

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng của Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và đào tạo Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 246a/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 01/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội;

Xét đề nghị của các Ông/Bà Trưởng khoa Sau Đại học và Trưởng khoa TC – NH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, mã ngành: 8340201 của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chương trình được áp dụng đối với học viên cao học từ khóa 4 - năm 2019.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng khoa Sau Đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.QLKH.;
- Lưu: VT, SĐH.



PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 47/QĐ-ĐHTNH ngày 14/03/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master of Finance and Banking

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Định hướng: Ứng dụng

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng

Mã ngành: 8340201

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nâng cao kiến thức về chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và xử lý có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng; luôn có ý chí học tập vươn lên, thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PS01: Chương trình trang bị cho người học những kiến thức nâng cao, chuyên sâu thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

PS02: Thực hiện xử lý tốt các vấn đề liên quan đến tài chính – ngân hàng phát sinh trong hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành.

PS03: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết những vấn đề gặp phải trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng

PS04: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Về kiến thức

PLO 1.1: Vận dụng thành thạo những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính-ngân hàng.

PLO 1.2: Lý giải được việc vận dụng kiến thức cơ sở ngành về Kinh tế, học quản lý, Kinh tế học tiền tệ ngân hàng, Pháp luật, Nguyên lý kế toán và các kiến thức cơ sở khác của ngành vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính – ngân hàng trong hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành.

PLO 1.3: Phân tích được các vấn đề lý luận chuyên sâu về tài chính – ngân hàng được áp dụng trong hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành.

PLO 1.4: Đề xuất được giải pháp khoa học, phù hợp, có tính khả thi để giải quyết các vấn đề thực tiễn về tài chính – ngân hàng trong hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành.

2.2. Về kỹ năng

PLO 2.1: Giải quyết được các vấn đề về tài chính –ngân hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành.

PLO 2.2: Thực hiện tốt việc quản trị các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng trong doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức kinh tế, xã hội khác.

PLO 2.3: Sử dụng ngoại ngữ thành thạo vào công tác chuyên môn, có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương trở lên).

PLO 2.4: Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, truyền đạt thông tin, ý tưởng một cách rõ ràng, logic tới người nghe.

PLO 2.5: Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm trong việc giải quyết các vấn đề về tài chính - ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ chuyên ngành.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 3.1: Thể hiện được ý thức trách nhiệm tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

PLO 3.2: Phát triển khả năng tự học hỏi, tự thích nghi, tự định hướng và phối hợp trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

Áp dụng theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà ban hành theo quyết định số 246a/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 01/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Đối tượng đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

3.1. Về văn bằng

a. Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ không phải học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển.

b. Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển.

3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn và loại tốt nghiệp

Những đối tượng hoàn thành chương trình đào tạo đại học chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ được phép dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA HỌC VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Học viên theo học CTĐT thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng các yêu cầu làm việc ở nhiều vị trí khác nhau như sau:

Loại hình tổ chức	Vị trí công tác/ việc làm
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ngân hàng thương mại - Ngân hàng chính sách - Ngân hàng hợp tác - Tổ chức tài chính - Cơ quan quản lý Nhà nước - Cơ quan nghiên cứu, đào tạo - Công ty Chứng khoán - Doanh nghiệp - Tổ chức tài chính - Các cơ quan quản lý nhà nước	- Chuyên viên cơ quan thanh tra giám sát, chuyên viên nghiên cứu, xây dựng chính sách tiền tệ và các chính sách khác về tiền tệ ngân hàng tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam. - Chuyên viên tài chính-ngân hàng: Quản lý tín dụng, Quản lý tài sản- nợ, Quản lý rủi ro, Quản lý danh mục đầu tư... - Chuyên viên quản lý tài chính tại các doanh nghiệp - Chuyên viên kinh doanh chứng khoán - Chuyên viên quản lý quỹ - Nghiên cứu viên và giảng viên

5. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

5.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

5.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức chung	10
2	Kiến thức cơ sở ngành	10
2.1	Kiến thức bắt buộc	8
2.2	Kiến thức tự chọn	2
3	Kiến thức chuyên ngành	25
3.1	Kiến thức bắt buộc	17
3.2	Kiến thức tự chọn	8
4	Thực tập và Luận văn tốt nghiệp	15
4.1	Thực tập	5
4.2	Luận văn tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	60

5.3. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
I		KIẾN THỨC CHUNG	10	
1	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	Khoa Cơ bản
2	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
3	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
4	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	Khoa QTKD
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	10	
2.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC	8	
5	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	Khoa Cơ bản
6	STN.02.01	Kinh tế học tiền tệ ngân hàng	2	Khoa TCNH
7	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế	2	Khoa Cơ bản
8	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán nâng cao	2	Khoa KT - KT
2.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (1 trong 3 học phần)	2	
9	STN.01.01	Kỹ năng thẩm định tín dụng	2	Khoa TCNH
10	SQK.02.02	Quản trị chiến lược	2	Khoa QTKD
11	SQK.01.04	Văn hóa và đạo đức công sở	2	Khoa QTKD
III		KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	25	
3.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC	17	
12	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3	Khoa TCNH
13	SKT.01.02	Kế toán tài chính nâng cao	3	Khoa KT – KT
14	STN.02.06	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	2	Khoa TCNH
15	STN.01.02	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	3	Khoa TCNH
16	STN.02.02	Đầu tư tài chính	2	Khoa TCNH
17	STN.02.04	Chính sách thuế	2	Khoa TCNH
18	STN.02.05	Quản lý thuế	2	Khoa TCNH
3.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 trong 6 học phần)	8	
		Chọn 2 trong 4 học phần:		
19	STN.02.07	Định giá và Mua bán – sáp nhập doanh nghiệp	3	Khoa TCNH
20	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư	3	Khoa QTKD
21	STN.02.11	Chiến lược tài chính công ty	3	Khoa TCNH
22	STN.02.09	Phương pháp kiểm soát kho bạc	3	Khoa TCNH
		Chọn 1 trong 2 học phần:		
23	STN.02.08	Tài chính công nâng cao	2	Khoa TCNH
24	STN.02.10	Tài chính khởi nghiệp	2	Khoa TCNH
IV		THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15	
25	STC.01	Thực tập	5	Khoa TCNH
26	STC.02	Luận văn tốt nghiệp	10	Khoa TCNH
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60	

(Có đề cương chi tiết các học phần kèm theo)

6. KẾ HOẠCH HỌC TẬP DỰ KIẾN PHÂN THEO HỌC KỲ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	HỌC KỲ			
				1	2	3	4
I		KIẾN THỨC CHUNG	10				
1	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	x			
2	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	x			
3	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2		x		
4	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	x			
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	10				
2.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC	8				
5	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	x			
6	STN.02.01	Kinh tế học tiền tệ ngân hàng	2		x		
7	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế	2		x		
8	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán nâng cao	2	x			
2.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (1 trong 3 học phần)	2				
9	STN.01.01	Kỹ năng thẩm định tín dụng	2	x			
10	SQK.02.02	Quản trị chiến lược	2	x			
11	SQK.01.04	Văn hóa và đạo đức công sở	2	x			
III		KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	25				
3.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC	17				
12	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3		x		
13	SKT.01.02	Kế toán tài chính nâng cao	3		x		
14	STN.02.06	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	2		x		
15	STN.01.02	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	3			x	
16	STN.02.02	Đầu tư tài chính	2			x	
17	STN.02.04	Chính sách thuế	2			x	
18	STN.02.05	Quản lý thuế	2			x	
3.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 trong 7 học phần)	8				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	HỌC KỲ			
				1	2	3	4
		<i>Chọn 2 trong 4 học phần:</i>					
19	STN.02.07	Định giá và Mua bán – sáp nhập doanh nghiệp	3			x	
20	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư	3			x	
21	STN.02.11	Chiến lược tài chính công ty	3			x	
22	STN.02.09	Phương pháp kiểm soát kho bạc	3			x	
		<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>					
23	STN.02.08	Tài chính công nâng cao	2		X		
24	STN.02.10	Tài chính khởi nghiệp	2		x		
IV		THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15				
25	STC.01	Thực tập	5				x
26	STC.02	Luận văn tốt nghiệp	10				x
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60	14	16	15	15

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

7.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn gồm:

STT	Phương pháp dạy học
1	Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống (<i>Case study</i>)
2	Dạy học theo dự án (<i>Project-based learning</i>)
3	Phương pháp phát vấn (<i>socratic method</i>)
4	Phương pháp thuyết trình tích cực (<i>active lecturing</i>)
5	Phương pháp giải quyết vấn đề (<i>Problem solving</i>)
6	Thuyết giảng (<i>Lecturing method</i>)
7	Tổ chức học tập theo nhóm (<i>Group-based learning</i>)
8	Seminar (<i>seminar</i>)
9	Giảng dạy thông qua tham quan thực tế (<i>Teaching through field-trips</i>)
10	Hướng dẫn tự học

7.2. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

7.2.1 Các phương pháp đánh giá

a) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

b) Đánh giá kiến thức, kỹ năng:

- 1) Vấn đáp: Theo câu hỏi, theo Bài tập lớn.
- 2) Viết: Tự luận, trắc nghiệm, bài tập lớn, tiểu luận, Luận văn tốt nghiệp.
- 3) Thực hành: Trên máy tính, thực tập tại doanh nghiệp

7.2.2. Hình thức đánh giá kết quả học tập:

- 1) Đánh giá thường xuyên
- 2) Đánh giá định kỳ
- 3) Đánh giá tổng kết: Kết thúc học phần, kết thúc khóa học.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO:

8.1 Cơ sở vật chất, công nghệ

Sử dụng cơ sở vật chất, công nghệ (các giảng đường, phòng máy tính thực hành, internet) tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường và cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tại các đơn vị có hợp tác với Nhà trường.

8.2 Học liệu

Sử dụng học liệu tại Thư viện của Nhà trường và học liệu của các giảng viên cung cấp

9. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Người học được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội ban hành theo quyết định số 246a/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 01/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, ban hành theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ban hành theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội ban hành theo quyết định số 246a/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 01/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTNH - Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hai năm một lần nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Phạm Ngọc Ánh